

Số: ~~—~~: 05/KH-TrTH

Mường Nhé, ngày ~~28~~29 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Năm học: 2025 - 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;
- Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về triển khai sử dụng hệ thống học liệu Tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Kế hoạch số 550/KH-PGDĐT ngày 8/7/2024 của PGDĐT. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia học Tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện tuyên thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi giao lưu Tiếng Anh;
- Căn cứ Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 3/9/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GD PT 2018 cấp tiểu học.
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 – 2021 và công văn số 12/PGDĐT- CMTH ngày 26/1/2021 của PGDĐT về dạy học tích hợp các môn và môn học hoạt động trải nghiệm ;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020– 2021 ;
- Căn cứ văn bản số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.
- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Mường Nhé Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Mường Nhé;

- Căn cứ văn bản số 2616//**SGDDĐT-GDMNTH** ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026

Trường PTDTBT tiểu học Nậm Pồ xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Mường Nhé là xã có truyền thống văn hoá lâu đời luôn giữ bản sắc của dân tộc, truyền thống văn hoá của địa phương. Giáo dục đã có những phát triển đáng kể, quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh đã ổn định, con em đồng bào dân tộc được tạo điều kiện học tập.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với xã vùng núi khó khăn thuộc chương trình 135, chương trình 30a, chương trình nông thôn mới. Đặc biệt là được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, đời sống của nhân dân được nâng lên, nhận thức về công tác giáo dục có sự chuyển biến tích cực. Nhu cầu học cao hơn, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo không ngừng phát triển đã góp phần vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

** Thuận lợi:*

Nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo sát sao của Đảng Uỷ, HĐND, UBND xã Mường Nhé, sự phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành trong xã. Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm học trước, đội ngũ CB-GV-NV đoàn kết, ham học hỏi, trình độ dần được nâng lên, nhiều GV trẻ nhiệt tình trong công tác, tạo động lực cho sự phát triển của nhà trường.

Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và những biện pháp giáo dục của nhà trường.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đãi ngộ đối với giáo viên vùng khó khăn, chính sách cho học sinh dân tộc, học sinh con hộ nghèo, học sinh bán trú... Nhà nước đã đầu tư cơ sở vật chất cho các điểm trường từng bước khang trang thu hút học sinh đến trường ngày càng đông đều hơn.

Công tác xã hội hoá giáo dục dần được nâng lên. Người dân đã chủ động đưa con em ra trường ra lớp, không còn tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học. Thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

** Khó khăn:*

- Năm học 2025 -2026 là năm học thứ sáu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú,

nhờ đó mà cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Cơ sở vật chất lớp học đầy đủ. Thiếu các phòng chức năng. Trường có 03 điểm bán lẻ, giao thông đi lại khá khó khăn nhất là bản Co Lót 1. Địa bàn cư trú của học sinh không tập trung, nhiều em ở cách xa trường, điểm bán, nên tỷ lệ đi học chuyên cần chưa cao nhất là mùa mưa lũ, mùa đông giá rét.

- Điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế. 100% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số, nhiều em vốn tiếng Việt còn hạn chế nên ngại ?

- Phần lớn học sinh phải tham gia lao động cùng gia đình, nhiều gia đình có ruộng, nương ở xa nên một số em còn nghỉ học rải rác trong năm nhất là thời gian mùa vụ, trông coi em.

- Phần đa phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và xã hội với nhà trường trong công tác giáo dục.

- Nhà trường chưa được giao quyền chủ động về công tác nhân sự, tuyển dụng giáo viên.

GV còn thiếu nhiều kinh nghiệm. Đồ dùng dạy học còn thiếu do vậy ảnh hưởng đến công tác giáo dục.

Tình hình dân di dịch cư tự do, ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì số lượng học sinh, chất lượng học tập và giảng dạy của thầy và trò.

Giáo viên Tiếng Anh còn thiếu, giáo viên còn dạy dồn lớp ghép lớp số lượng học sinh cao ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 29 lớp với số 739 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện					
	Số lớp	H.sinh	Số lớp	H.sinh	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Bán trú
1	7	130	7	130	<u>72</u>	<u>130</u>	<u>1</u>	<u>11</u>
2	7	162	7	162	<u>74</u>	<u>162</u>	<u>0</u>	<u>10</u>
3	5	143	5	143	<u>61</u>	<u>143</u>	<u>7</u>	<u>68</u>
4	5	161	5	161	<u>79</u>	<u>161</u>	<u>4</u>	<u>86</u>
5	5	143	5	143	<u>69</u>	<u>143</u>	<u>3</u>	<u>67</u>
Tổng số	29	739	29	739	<u>355</u>	<u>739</u>	<u>15</u>	<u>242</u>

(Ghi chú 3 hs chuyên về Trần Văn Thọ).

- 100% số lớp và số học sinh học 9 buổi/tuần.

- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân học sinh/lớp: 25,5

- Tỷ lệ học sinh nữ/lớp: 5048

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo.

S T T	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn					Trình độ LL		Đảng viên
					ĐH	CD	TC	SC	Chưa qua ĐT	TC LL	SC	
1	BGH	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2
2	Giáo viên	43	27	20	42	1	0	0	0	3	1	35
3	Nhân viên	4	3	3	0	1	1	0	2	0	0	0
Cộng		49	30	23	44	2	1	0	2	5	1	37

b. Về cơ cấu đội ngũ

- Chất lượng đội ngũ

S T T	Nội dung	T.số	Tốt		Khá		TB		Yếu (KXL)		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ:										
	- Ban G. Hiệu	2	2	100	0	0	0	0	0	0	0
	- Giáo viên	43	41	95,3	2	4,7	0	0	0	0	0
	- Nhân viên	4	2	50	2	50	0	0	0	0	0
Cộng		49	45	91,8	4	8,2	0	0	0	0	0
2	X. loại hồ sơ	T.số	Tốt		Khá		T.Bình		Chưa đạt		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	- Ban G. Hiệu	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
	- TT CM	7	7	100	0	0	0	0	0	0	
	- Giáo viên	43	43	100	0	0	0	0	0	0	
	- Nhân viên	4	2	50	2	50	0	0	0	0	
3	Xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp	T.số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	- Hiệu trưởng	1	1	100	0	0	0	0	0	0	
	- P. H. trưởng	1	1	100	0	0	0	0	0	0	
	- Giáo viên	43	43	100	0	0	0	0	0	20	

	Cộng	45	45	100	0	0	0	0	0	20
4	Chỉ tiêu giáo viên giỏi	Tổng số			Cấp tỉnh		Cấp xã		Cấp trường	
					SL	%	SL	%	SL	%
	- GV giỏi	38			4	10,5	16	42,1	18	47,4

c. Về thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi**

- Về đội ngũ giáo viên:0

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

+ Đội ngũ GV trẻ, khỏe, năng động, nhiệt tình; Cơ cấu đạt tỷ lệ 1,48 GV/lớp; giáo viên chia theo các môn học (Tiếng anh 1; Thể dục 2; Âm nhạc 2, Mỹ thuật: 01, Tin học 1). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác;

+ 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Về cán bộ quản lý:

+ Có 2/3 số lượng cbql, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

*** Khó khăn**

- Về đội ngũ giáo viên: Thiếu giáo viên Tiếng Anh(chờ tăng cường).

+ Còn 01 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

+ Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo

viên việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy còn chưa nhanh.

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

+ Nhà trường vẫn còn thiếu nhân viên Thiết bị - Thư viện và nhân viên phục vụ học sinh bán trú.

- Về cán bộ quản lý:

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chưa tốt.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú.

TT	Nội dung	Số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Mượn	Ghi
1	Phòng hành chính quản trị						
1.1	Hiệu trưởng	1	1				
1.2	Phó Hiệu trưởng	1	1				
1.3	Văn phòng	1	1				
1.4	Bảo vệ	1	1				
1.5	Nhà để xe giáo viên	2		2			
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	4		4			
2	Phòng học						
2.1	Tổng số	29	23	6			
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp	1,0					
3	Phòng học bộ môn						
3.1	Ngoại ngữ	1	1			1	
3.2	Tin học	1				1	
3.3	Âm nhạc	0					
3.4	Mĩ Thuật	1				1	
3.5	GDTC	0					
3.6	Khoa học công nghệ	0					
3.7	Đa chức năng	1	1				
4	Khối phòng Hỗ trợ học tập						
4.1	Thư viện	1	1				
4.2	Thiết bị giáo dục	0	0				
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	0					
4.4	Truyền thông	1	1				
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	1				
5	Khối phòng phụ trợ						
5.1	Phòng họp	1	1				
5.2	Y tế học đường	1	1				
5.3	Kho	2		2			

5.4	Nhà để xe học sinh	1		1			
5.5	Khu vệ sinh học sinh	6		6			
5.6	Phòng nghỉ giáo viên	1		1			
5.7	Phòng công vụ giáo viên	9	1	8			
6	Khối phục vụ sinh hoạt						
6.1	Nhà bếp	1		1			
6.2	Kho bếp	1		1			
6.3	Nhà ăn	1		1			
6.4	Phòng nội trú	13		13			
6.5	Phòng quản lý học sinh	1		1			
6.6	Phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú	0					

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

+ Tổng số máy chiếu: 19 (lắp cố định tại các phòng học 13 máy; 6 máy di động).

+ Tăng âm loa: 01 bộ

- Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Nhà bếp + Nhà ăn: 01). Nhà bếp, nhà ăn đủ cơ sở vật chất cho 238 học sinh ăn, nghỉ bán trú.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường (Bổ sung thêm mục này)

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh đặc biệt là phụ huynh có con học lớp 5 năm học 2025-2026. Tham mưu với chính quyền địa phương tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể nhân dân trong xã.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Thực hiện Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 3, 4, 5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 Thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018,

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

+ Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập.

+ Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

- Tăng cường Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số: Thực hiện Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025”. Theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1748/KH-BGDĐT ngày

15/9/2021 về việc tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số năm học 2025-2026; Thông tư số 23/2023 TT-BGDĐT-GDTH ngày 8/12/2023 về việc Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện chương trình lớp 1 (Thời lượng 72 tiết)

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế nhà trường. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học:

+ Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gắn gũi với học sinh.

Thực hiện nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vệ sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam và các nội dung giáo dục qua các bài trong các môn học: Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.

+ Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc để tạo cơ hội cho học sinh các lớp có cơ được đọc nhiều hơn. Đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/ tuần đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5).

- Thực hiện chương trình tin học đối với lớp 3, 4,5 trung tâm với 15 lớp

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông qua nhiều hình thức như học trực tuyến qua mạng, qua tự nghiên cứu tài liệu và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức và tập huấn tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động của các Câu lạc bộ, Giáo dục địa phương Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025 -2026

1. Mục tiêu chung

1. Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông và triển khai dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học. Thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức

thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý; triển khai các giải pháp để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

4. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục giáo dục Tiểu học vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp xã với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 739/739 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

*** Khối 1; 2; 3 ;4; 5:**

1.1 môn học và hoạt động giáo dục

Khối /Lớp		Tổng		Tổ 1		Tổ 2		Tổ 3		Tổ 4		Tổ 5	
Tổng số học sinh		Tổng số học sinh		130		162		143		161		143	
HS Khuyết tật		HS Khuyết tật		1		0		7		4		3	
HS được đánh giá		HS được đánh giá		130		162		136		157		140	
Môn học	MĐĐ	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>
1. Tiếng Việt	HTT	259	35,7	33	25,9	66	40,7	54	39,7	49	31,2	57	42
	HT	466	64,3	97	74,1	96	59,3	82	60,3	108	68,8	81	58
	CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	HTT	270	37,2	33	25,9	66	40,7	57	41,9	54	31,2	60	44,9

		HT	455	62,8	97	74,1	96	59,3	79	58,1	103	68,8	78	55,1
		CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Đào đức		HTT	282	38,9	46	35,4	66	40,7	54	39,7	49	31,2	67	48,5
		HT	443	61,1	84	64,6	96	59,3	82	60,3	108	68,8	71	51,5
		CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật	4. Âm nh ạc	HTT	285	39,3	46	35,3	66	40,7	54	39,7	49	31,2	70	50,7
		HT	440	60,7	84	64,7	96	59,3	82	60,3	108	68,8	68	49,3
		CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	5. Mĩ Th uật	HTT	277	38,2	46	35,3	66	40,7	54	39,7	49	31,2	62	44,9
		HT	448	61,8	84	64,7	96	59,3	82	60,3	108	68,8	76	55,1
		CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. GDTC	HTT	275	37,9	46	35,4	66	40,7	54	39,7	49	31,2	60	44,9	
	HT	450	62,1	84	64,6	96	59,3	82	60,3	108	68,8	78	55,1	
	CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7. HDTN	HTT	279	38,4	46	35,4	66	40,7	54	39,7	49	31,2	64	46,4	
	HT	446	61,6	84	64,6	96	59,3	82	60,3	107	68,8	74	53,6	
	CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. GDĐP	HTT	273	37,7	46	35,4	66	40,7	54	39,7	49	31,2	58	42	
	HT	452	62,3	84	64,6	96	59,3	82	60,3	108	68,8	80	58	
	CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9. TCTV	HTT	166	38,8	46	35,4	66	40,7	54	39,7					
	HT	262	61,2	84	64,6	96	59,3	82	60,3					
	CHT			0	0	0	0	0	0					
10. TNXH	HTT	166	38,8	46	35,4	66	40,7	54	39,7					
	HT	262	61,2	84	64,6	96	59,3	82	60,3					
	CHT			0	0	0	0	0	0					
11. Môn Tiếng Anh	HTT	161	37,3					54	39,7	49	31,2	58	42	
	HT	270	62,7					82	60,3	108	68,8	80	58	
	CHT							0	0	0	0	0	0	
12. Môn Lịch Sử&ĐL	HTT	107	36,2							49	31,2	58	42	
	HT	188	63,8							108	68,8	80	58	
	CHT									0	0	0	0	
12. Môn Khoa học	HTT	107	36,2							49	31,2	58	42	
	HT	188	63,8							108	68,8	80	58	
	CHT									0	0	0	0	
12. Môn Tin học	HTT	108	36,6							49	31,2	59	42,8	
	HT	186	63,4							107	68,8	79	57,2	
	CHT									0	0	0	0	
12. Môn Công nghệ	HTT	108	36,6							49	31,2	59	42,8	
	HT	186	63,4							108	68,8	79	57,2	
	CHT									0	0	0	0	
12. Môn ĐSTV	HTT	107	36,2							49	31,2	58	42	
	HT	188	63,8							108	68,8	80	58	
	CHT									0	0	0	0	

1.2. Những phẩm chất chủ yếu:

Lớp	TS HS	HS K. <u>t</u> <u>ậ</u>	TS HS <u>đ</u> <u>ư</u> <u>ợ</u> <u>c</u> <u>đ</u> <u>á</u> <u>n</u> <u>h</u> <u>g</u> <u>i</u> <u>á</u>	Phẩm chất														
				Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
				T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
<u>TK 1</u>	130	1	130	47	83	0	47	83	0	47	83	0	47	83	0	47	83	0
<u>TK 2</u>	162	0	162	69	93	0	69	93	0	69	93	0	69	93	0	69	93	0
<u>TK3</u>	143	7	136	63	73	0	62	74	0	60	76	0	60	76	0	58	78	0
<u>TK4</u>	161	4	157	54	103	0	54	103	0	54	103	0	54	103	0	54	103	0
<u>TK5</u>	143	3	140	66	74	0	66	74	0	66	74	0	66	74	0	66	74	0
<u>Tổng</u>	739	15	725	299	426	0	298	427	0	296	429	0	296	429	0	294	431	0
<u>Tỉ lệ</u>				41.2	58.8		41.1	58.9		40.8	59.2		40.8	59.2		40.6	59.4	

1.3. Năng lực

* Những năng lực cốt lõi:

Lớp	TSHS	HS K. <u>t</u> <u>ậ</u>	TSHS <u>đ</u> <u>ư</u> <u>ợ</u> <u>c</u> <u>đ</u> <u>á</u> <u>n</u> <u>h</u> <u>g</u> <u>i</u> <u>á</u>	Năng lực chung								
				1. Tự chủ và tự học			2. Giao tiếp và hợp tác			3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo		
				T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
<u>TK 1</u>	130	1	130	47	83	0	47	83	0	47	83	0
<u>TK 2</u>	162	0	162	69	93	0	69	93	0	69	93	0
<u>TK3</u>	143	7	136	54	82	0	54	82	0	54	82	0
<u>TK4</u>	161	4	157	54	103	0	54	103	0	54	103	0
<u>TK5</u>	143	3	140	57	83	0	57	83	0	57	83	0
<u>Tổng</u>	739	15	725	281	444	0	281	444		281	444	
<u>Tỉ lệ</u>				38.8	61.2		38.8	61.2		38.8	61.2	

* Năng lực đặc thù

Lớp	TS HS	K T	TS HS <u>đ</u> <u>ư</u> <u>ợ</u> <u>c</u> <u>đ</u> <u>á</u> <u>n</u> <u>h</u> <u>g</u> <u>i</u> <u>á</u>	Năng lực đặc thù														
				Ngôn ngữ			Tính toán			Khoa học			Thẩm mỹ			Thể chất		
				T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C

			G															
<u>TK 1</u>	<u>130</u>	<u>1</u>	<u>130</u>	<u>47</u>	<u>83</u>	<u>0</u>	<u>47</u>	<u>83</u>	<u>0</u>	<u>47</u>	<u>83</u>	<u>0</u>	<u>47</u>	<u>83</u>	<u>0</u>	<u>47</u>	<u>83</u>	<u>0</u>
<u>TK 2</u>	<u>162</u>	<u>0</u>	<u>162</u>	<u>69</u>	<u>93</u>	<u>0</u>	<u>69</u>	<u>93</u>	<u>0</u>	<u>69</u>	<u>93</u>	<u>0</u>	<u>69</u>	<u>93</u>	<u>0</u>	<u>69</u>	<u>93</u>	<u>0</u>
<u>TK3</u>	<u>143</u>	<u>7</u>	<u>136</u>	<u>54</u>	<u>82</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>82</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>82</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>82</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>82</u>	<u>0</u>
<u>TK4</u>	<u>161</u>	<u>4</u>	<u>157</u>	<u>54</u>	<u>103</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>103</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>103</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>103</u>	<u>0</u>	<u>54</u>	<u>103</u>	<u>0</u>
<u>TK5</u>	<u>143</u>	<u>3</u>	<u>140</u>	<u>58</u>	<u>82</u>	<u>0</u>	<u>60</u>	<u>80</u>	<u>0</u>	<u>57</u>	<u>83</u>	<u>0</u>	<u>57</u>	<u>83</u>	<u>0</u>	<u>60</u>	<u>80</u>	<u>0</u>
<u>Tổng</u>	<u>739</u>	<u>15</u>	<u>725</u>	<u>282</u>	<u>443</u>	<u>0</u>	<u>284</u>	<u>441</u>	<u>0</u>	<u>281</u>	<u>444</u>	<u>0</u>	<u>281</u>	<u>444</u>		<u>284</u>	<u>441</u>	<u>0</u>
<u>Ti lệ</u>				<u>38,9</u>	<u>61,1</u>	<u>0</u>	<u>39,1</u>	<u>60,9</u>	<u>0</u>	<u>38,8</u>	<u>61,2</u>		<u>38,8</u>	<u>61,1</u>		<u>39,1</u>	<u>60,9</u>	<u>0</u>

1.4. Kết quả giáo dục cuối năm học:

<u>Khối lớp</u> <u>1</u>	<u>TSHS</u>	<u>TSHS</u> <u>ĐDG</u>	<u>HTXS</u>		<u>HTT</u>		<u>HT</u>		<u>CHT</u>		<u>Ghi</u> <u>chú</u>
			<u>TS</u>	<u>TL</u>	<u>TS</u>	<u>TL</u>	<u>TS</u>	<u>TL</u>	<u>TS</u>	<u>TL</u>	
<u>TK 1</u>	<u>130</u>	<u>130</u>	<u>32</u>	<u>24,6</u>	<u>44</u>	<u>33,8</u>	<u>54</u>	<u>41,6</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
<u>TK 2</u>	<u>162</u>	<u>162</u>	<u>27</u>	<u>16,7</u>	<u>39</u>	<u>24,1</u>	<u>96</u>	<u>59,2</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
<u>TK3</u>	<u>143</u>	<u>136</u>	<u>28</u>	<u>20,6</u>	<u>26</u>	<u>19,1</u>	<u>82</u>	<u>60,3</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
<u>TK4</u>	<u>161</u>	<u>157</u>	<u>23</u>	<u>14,6</u>	<u>31</u>	<u>19,7</u>	<u>103</u>	<u>65,7</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
<u>TK5</u>	<u>143</u>	<u>140</u>	<u>20</u>	<u>14,3</u>	<u>37</u>	<u>26,4</u>	<u>83</u>	<u>59,3</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	
<u>Tổng</u>	<u>739</u>	<u>725</u>	<u>130</u>	<u>17,9</u>	<u>177</u>	<u>24,4</u>	<u>418</u>	<u>57,7</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	

1.5. Khen thưởng cuối năm học:

<u>Khối 1</u>	<u>TSHS</u>	<u>Khen thưởng</u>					
		<u>TSHS được KT</u>		<u>HSXS/HTXS các</u> <u>nội dung học tập</u> <u>và rèn luyện</u>		<u>Có thành tích vượt</u> <u>trội/</u> <u>HS tiêu biểu HTT</u>	
				<u>SL</u>	<u>TL %</u>	<u>SL</u>	<u>TL %</u>
<u>TK 1</u>	<u>130</u>	<u>80</u>	<u>61,2</u>	<u>30</u>	<u>23</u>	<u>50</u>	<u>38,2</u>
<u>TK 2</u>	<u>162</u>	<u>76</u>	<u>46,9</u>	<u>33</u>	<u>20,4</u>	<u>43</u>	<u>26,5</u>
<u>TK3</u>	<u>136</u>	<u>54</u>	<u>39,7</u>	<u>28</u>	<u>20,6</u>	<u>26</u>	<u>19,1</u>
<u>TK4</u>	<u>161</u>	<u>54</u>	<u>33,5</u>	<u>24</u>	<u>14,9</u>	<u>30</u>	<u>18,6</u>
<u>TK5</u>	<u>143</u>	<u>57</u>	<u>40,7</u>	<u>20</u>	<u>14,3</u>	<u>37</u>	<u>26,4</u>
<u>Tổng</u>	<u>739</u>	<u>321</u>	<u>43,3</u>	<u>135</u>	<u>18,2</u>	<u>186</u>	<u>38,5</u>

2. Một số chỉ tiêu khác

2.1. Chuyển lớp thẳng: 739/739 HS, đạt 100%

2.2. Hoàn thành chương trình tiểu học: 143/143 HS, đạt 100%

2.3. Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 29 lớp. Trong đó:

- Khối 1: 7 lớp/7 lớp. Đạt: 100%
- Khối 2: 7 lớp/7 lớp. Đạt: 100%
- Khối 3: 5 lớp/5 lớp. Đạt: 100%
- Khối 4: 5 lớp/5 lớp. Đạt: 100%
- Khối 5: 5 lớp/5 lớp. Đạt: 100%

2.4.. Tỷ lệ học sinh viết chữ đẹp (số lượng - tỷ lệ%, từng tổ - khối).

Chia ra:

- Khối 1: 40 HS/130 HS. Đạt: 30,8%
- Khối 2: 51 HS/162 HS. Đạt: 31,5 %
- Khối 3: 50 HS/143 HS. Đạt: 35%
- Khối 4: 37 HS/161HS. Đạt: 23%
- Khối 5: 30 HS/143 HS. Đạt: 21 %

2.5 Học sinh năng khiếu (hát nhạc, mỹ thuật):

- Khối 1: 15 HS/130 HS. Đạt: 11,5%
- Khối 2: 31 HS/162 HS. Đạt: 19,1%
- Khối 3: 41 HS/143 HS. Đạt: 28,7%
- Khối 4: 20 HS/161 HS. Đạt: 12,4%
- Khối 5: 10 HS/143 HS. Đạt: 7 %

2.6. Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục HS học đường, trang trí lớp theo quy định (số lượng, tỷ lệ %)

- Thể dục: 739 / 739HS. Đạt: 100%
- Ca múa hát đầu giờ: 739 / 739 HS. Đạt: 100%
- HĐTT sân trường: 739 / 739 HS. Đạt: 100%
- Học sinh mặc đúng trang phục: 739 / 739 HS. Đạt: 100%
- Trang trí lớp theo quy định: 29 lớp/ 29 lớp. Đạt: 100%

2.7. Hoạt động đội TN, sao nhi đồng. (danh hiệu phần đầu đạt trong

năm)

- Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: Các sao nhi đồng, Đội TNTP Hồ Chí Minh phần đầu học tốt để dành được danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ, phần đầu đến cuối năm có số học sinh đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ:

- Khối 1: 40 HS/130 HS. Đạt: 30,7%
- Khối 2: 46 HS/162 HS. Đạt: 28,4%
- Khối 3: 53 HS/143 HS. Đạt: 37,1%
- Khối 4: 50 HS/161 HS. Đạt: 31,1%
- Khối 5: 72 HS/143 HS. Đạt: 50,3%
- Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 143 HS khối lớp 3.

*** Khối 1; 2; 3 ;4; 5:**

Khối lớp	Khối-1		Khối-2		Khối-3		Khối-4		Khối-5		
Tổng số học sinh	130		162		143		161		143		
HS Khuyết tật	1		0								
HS được đánh giá											
Môn học	MĐĐ	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>

+ Những phẩm chất chủ yếu:

*** Khối 1, 2, 3,4,5:**

Khối lớp		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5		
Tổng số HS						165		
<i>HS Khuyết tật</i>						4		
HS được đánh giá						161		
Phẩm chất	MDD					TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt					47,8	35	21,7
	Đạt					52,2	126	78,3
	CCG					0	0	0
2. Nhân ái	Tốt					48,6	35	21,7
	Đạt					51,4	126	78,3
	CCG					0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt					48,6	35	21,7
	Đạt					51,4	126	78,3
	CCG					0	0	0
4. Trung thực	Tốt					50,7	35	21,7
	Đạt					49,3	126	78,3
	CCG					0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt					47,1	35	21,7
	Đạt					52,9	126	78,3
	CCG					0	0	0

+ Những năng lực cốt lõi

*** Khối 1, 2,3, 4,5:**

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
----------	--------	--------	--------	--------	--------

TS học sinh										165	
<i>HS Khuyết tật</i>										4	
HS được đánh giá										161	
Năng lực	MĐĐ								<i>TL%</i>	<i>TS</i>	<i>TL%</i>
Năng lực chung											
1. Tự chủ và tự học	Tốt								41,3	35	22
	Đạt								58,7	126	78
	CCG								0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt								42	35	22
	Đạt								58	126	78
	CCG								0	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt								36,5	35	22
	Đạt								63,5	126	78
	CCG								0	0	0
- Năng lực đặc thù										58,7	22
1. Ngôn ngữ	Tốt								42	35	78
	Đạt								58	126	0
	CCG								0	0	22
2. Tính toán	Tốt								43,4	35	78
	Đạt								56,6	126	0
	CCG								0	0	22
3. Khoa học	Tốt								41,3	35	78
	Đạt								58,7	126	0
	CCG								0	0	22

4. Thẩm mĩ	Tốt								41,3	35	78
	Đạt								58,7	126	0
	CCG								0	0	22

+ Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Hoàn thành chương trình lớp học: 739/739, tỷ lệ 100% (gồm15 học sinh khuyết tật học hòa nhập).
- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 143/143, tỷ lệ 100% .

e2.8) Các hoạt động khác:

- 30% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.
- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,6 hàng tuần).
- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.
- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.
- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

-Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách: 2 lần/năm học:-

g) Khen thưởng cuối năm học:

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học
1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5			
		Tổ ng	H K 1	H K 2	Tổ ng	H K 1	H K2										
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt	420	21 6	20 4	350	18 0	17 0	245	12 6	11 9	245	12 6	11 9	245	12 6	1 9	
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	8 5	
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	1 7										
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34							
5	Khoa học										70	36	34	70	36	3 4	
6	LS&DL										70	36	34	70	36	3 4	
7	Nghệ thuật	- Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	1 7
		- Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	35	18	17	1 7
		- TC/KT							35	18	17	35	18	35	18	17	1 7
8	Tin học và CN							70	36	34	70	36	34	70	36	3 4	
9	GDTC (Thể dục)	70	36	34	70	36	3 4										

2	Tăng cường Tiếng Việt	10 5	54	51	10 5	54	51	35	1 8	17						
3	Độc thư viện															
TỔNG																
	<i>Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)</i>	11 20	57 6	54 4	11 20	57 6	5 4 4									
	<i>Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)</i>	32		32		32		32		32		32		32		
	<i>Số tiết tự chọn/tuần</i>	0		0		0		0		0		0		0		
	<i>Số tiết củng cố, tăng cường/tuần</i>	4		4		1										
	<i>Số tiết/tuần</i>	32		32		32		32		32		32		32		
	<i>Số buổi dạy/ tuần</i>	9		9		9		9		9		9		9		
	<i>Tổng số tiết/ năm học</i>	1120		1120		1120		1120		1120		1120		1120		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
-------	----------	--------------------	-------------------	---------------------	-----------------	-------------------------

Tháng 9	Truyền thông nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng <u>thứ 6</u> ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
Tháng 10	HĐT N	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường(Lớp 3 điểm bản)	Chiều <u>thứ Ba-hai</u> ngày 6/10/2025	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
	Truyền thông nhà trường	Sinh hoạt truyền thông về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường(Lớp)	Sáng <u>thứ 2 hai</u> ngày 14 13/10/ 20 24-2025 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐT N	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối(Lớp)	Giờ chào cờ đầu tuần, <u>thứ 2</u> ngày 14 20/10/ 20 24-2025(Lớp)	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường(Lớp)	Thứ <u>4—5</u> ngày 20/11/ 20 24-2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc.	Tập trung toàn trường(Lớp)	Sáng <u>thứ 2</u> ngày 16 22/12/ 20 24-2025	Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm	BGH, GV, NV.

	n	-Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.		(30 phút)		
Tháng 1+2	HĐT N	- Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường (Lớp)	Thứ Hai ngày <u>24/13/0102/2025-2026</u>	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
Tháng 3	HĐT N	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường (Lớp)	Giờ chào cờ đầu tuần ngày <u>36/3/20252026</u> (30 phút)	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	HĐT N	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối (lớp) toàn trường	Sáng thứ sáu 2 ngày <u>2827/4/20252026</u> (30 phút)	PHT; TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	HĐT N	Thăm hỏi, động viên gia đình có công với cách mạng trên địa bàn xã.	Tập trung	Thứ hai ngày <u>54/5/2024</u>	CBGV, HS khối lớp 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng (Chiều thứ tư, hàng tuần. Từ 16h	Tại trường	

		học.		5 phút đến 17h 30 phút).	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng (Chiều thứ năm hàng tuần. Từ 16h 5 phút đến 17h 30 phút).	Tại sân trường
3	HĐTN, RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí ...	Học sinh bán trú	Sau bữa ăn tối từ 18h đến 19h	Tại trường

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (Trường không có điểm trường thì chuyển 02 bảng dưới xuống mục 4...)

- Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp (do khoảng cách từ trường trung tâm tới điểm trường 6 km; một số học sinh do không có người đưa đón hoặc phương tiện đi lại).

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ 15 phút – 7 giờ 25 phút	10 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 25 phút - 7 giờ 35 phút	10 phút	Truy bài đầu giờ
7 giờ 35 phút - 8 giờ 15 phút	40 phút	Tiết 1
8 giờ 15 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
	25 phút	Ra chơi
9 giờ 15 phút - 9 giờ 55 phút	40 phút	Tiết 3
9 giờ 55 phút - 10 giờ 30 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 50 phút	80 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú)
Buổi chiều		

14 giờ - 14 giờ 40 phút	40 phút	Tiết 1
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 2
	15 phút	Ra chơi
15 giờ 30 phút - 16 giờ 5 phút	35 phút	Tiết 3
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 5 phút đến 17 giờ 30 phút	85 phút	- Tổ chức cho học sinh chăm sóc bồn hoa cây cảnh, vườn rau, TDTT, Câu lạc bộ, SH sao, đội

*** Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút.**

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học ~~2024-2025~~ 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

- Căn cứ Quyết định số ~~11968342~~/QĐ-UBND ngày ~~14-21~~ tháng 8 năm ~~2024-2025~~ của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Mường Nhé;

Ngày tựu trường: Thứ năm, khối 1 ngày 22, các khối còn lại ngày 29/08/~~2024~~2025

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

Học kỳ I: Từ ngày ~~0608~~/09/~~2024~~kết-2025kết thúc ngày ~~1518~~/01/~~2025-2026~~ (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày ~~16/9~~/01/~~2025~~kết-2026kết thúc ngày ~~2431~~/05/~~2025~~2026

(gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 31/05/2025

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường PTDTBT Tiểu học Nậm Pồ thời gian thực hiện chương trình năm học ~~20242025-2025-2026~~ cụ thể như sau:

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT32The 0-QĐ-16	Tăng thêmPhần g-thêm	Theo TT32The 0-QĐ-16	Tăng thêmPhần g-thêm	Theo TT32The 0-QĐ-16	Tăng thêmPhần g-thêm	
1	Tiếng Việt	12	1	10	2	7	1	7		7		
2	Toán	3	1	5	2	5		5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TN&XH	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	LS&ĐL							2		2		
8	Nghệ thuật(Âm Nhạc, MT)	2		2		2		2		2		
	Thủ công(Công nghệ)					1		1		1		
9	Kỹ thuật											
10	GDTC	2		2		2		2		2		
11	HĐTN (khối 1, 2,3,4)	3		3		3		3				
12	Tăng cường TV	5 <u>1</u>		1		1				2		
13	Tiếng Anh					4		4		4		
14	Tin học					1		1		1		

15	Độc thư viện	1		1		1		1		1		
16	GD địa phương	1		1		1		1		1		
Tổng		30 28	2 4	28	4	31	1	32		32		
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32tiết		

***Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC phòng Tin học và Ngoại ngữ.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa

các đơn vị trường trong và ngoài huyện;

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khithực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, cụm trường, cấp huyện theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;

- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018;

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua Giáo dục kỹ năng sống. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối

sống, kĩ năng sống, các kĩ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Tăng cường kiến thức kĩ năng thông qua các môn học, giáo dục kĩ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Vận động cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ chủ trương và đóng góp kinh phí để tổ chức cho học sinh ăn trưa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng và nghỉ trưa tại trường. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh bán trú như giáo dục kĩ năng sống

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Âm nhạc...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hoa đối tượng học sinh.

10. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác dạy học và quản lý

- Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tại “Trường học kết nối” trong quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

- Tích cực tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội thiếu niên tiền phong HCM, sao nhi đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng.

+ Phụ trách chung toàn trường, điều hành các hoạt động của nhà trường và thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 11- Điều lệ trường tiểu học (Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020); trực tiếp chỉ đạo, điều hành và phụ trách các lĩnh vực sau: công tác tổ chức cán bộ; Phụ trách công tác tài chính, tài sản; công tác khuyến học, thi đua khen thưởng; Công tác Xã hội hóa giáo dục; Xây dựng CSVN; Các cuộc vận động. Kiểm tra nội bộ; Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần lớp 2. Thuộc biên chế tổ khối 2, phụ trách chỉ đạo chuyên môn, ký duyệt hồ sơ giáo viên khối 1-2 và tổ 4; phụ trách các hoạt động của điểm trường Trung Tâm.

+ Chịu trách nhiệm trước phòng GD&ĐT huyện Văn hóa xã hội xã

Mường Nhé, Đảng uỷ, HĐND-UBND xã Mường Nhé về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

2. Đối với hiệu phó .

2.1 Đ/cTrần Bá Ánh: Phó Hiệu trưởng

+ Được Hiệu trưởng ủy quyền chỉ đạo các công việc của nhà trường khi hiệu trưởng đi vắng.

+ Phụ trách công tác chuyên môn toàn trường; công tác kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn Quốc gia của nhà trường; tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường; phụ trách cam kết chất lượng giáo viên và học sinh; tổng hợp thống kê, báo cáo theo nội dung công việc được giao, chỉ đạo các hoạt động phong trào của nhà trường; phụ trách công tác thi đua khen thưởng; phụ trách mảng cơ sở vật chất , lao động nhà trường; phụ trách công tác lao động vệ sinh toàn trường.

+ Trực tiếp theo dõi và phụ trách các hoạt động các điểm trường.

+ Tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần lớp **44**. Chỉ đạo các hoạt động của tổ chuyên môn khối **21**; 3; 5; tổ chuyên, vp. Thuộc biên chế tổ khối **53**. Ký duyệt hồ sơ các thành viên tổ khối **21**; 3; 5; tổ chuyên, vp. Dạy khối **23**: 4 tiết

+ Phụ trách chương trình nuôi em

+ Thực hiện những nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng phân công.

+ Phụ trách chế độ tăng giờ đối với cán bộ giáo viên trong nhà trường.

+ Phụ trách về công tác bán trú (Quản trú, nấu ăn bán trú, rèn kỹ năng sống cho học sinh bán trú...).

+ Phụ trách toàn bộ chế độ của học sinh được hưởng theo quy định bao gồm: (Chế độ bán trú, chi phí học tập, các quỹ hỗ trợ học sinh do những tổ chức, cá nhân tài trợ).

+ Thống kê, báo cáo liên quan đến công việc được giao, cơ sở giữ liệu quốc gia, tập huấn CSDL.

+ Thực hiện những nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng phân công.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM.

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm.

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học.

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên.

7.1. Nhân viên TV+TB.

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.2. Nhân viên Y tế.

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ HS, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán.

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên văn thư – Thủ quỹ

- Nhận lương và cấp phát lương theo từng tháng đúng quy định của nhà nước.

- Nhận chế độ học sinh và cấp phát chế độ cho học sinh kịp thời.

- Nhận, chuyển, lưu trữ các công văn, quyết định đi và đến của nhà trường.

- Soạn thảo các văn bản khi Ban giám hiệu yêu cầu.

7.5. Nhân viên phục vụ.

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).

- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.

- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.

- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.

- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.6. Nhân viên bảo vệ.

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường
PTDTBT Tiểu học Nậm Pồ./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu HS

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Nguyệt